

**【國際暨兩岸交流處】111學年度新南向產學合作國際專班學生錄取名單**

序號	中文姓名	越南姓名	科系	正/備取
1	蔡○○賢	THAI ○○ HIEN	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
2	王○嬌	VUONG ○ KIEU	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
3	潘○○絨	PHAN ○○ NHUNG	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
4	陳○銀	TRAN ○ NGAN	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
5	鍾○雲	CHUNG ○ VAN	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
6	阮○玲	NGUYEN ○ LINH	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
7	張○莨	TRUONG ○ LUONG	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
8	阮○○英	NGUYEN ○○ ANH	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
9	吳○欣	UNG ○ DANH	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
10	徐○泰	TU ○ THAI	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
11	丁○○玄	DINH ○○ HUYEN	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
12	阮○貞	NGUYEN ○ TRINH	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
13	杜○○清	DO ○○ THANH	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
14	劉○福	LAO ○ PHUC	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
15	黎○寶	LE ○ BAO	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
16	黎○長	LE ○ TRUONG	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
17	黃○平	HUYNH ○ BINH	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
18	范○○仙	PHAM ○○ TIEN	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
19	阮○化	NGUYEN ○ HOA	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
20	吳○珍	UNG ○ CHANH	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
21	黃○書	HUYNH ○ THU	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
22	陳○○泉	TRAN ○○ TUYEN	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
23	陶○傑	DAO ○ KIET	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
24	黎○勝	LE ○ THANG	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
25	吳○○銀	NGO ○○ NGAN	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
26	阮○後	NGUYEN ○ HAU	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
27	茶○輝	TRA ○ HUY	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
28	段○駕	DOAN ○ UYEN	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
29	黎○○麗	LE ○○ LE	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
30	丁○○詩	DINH ○○ THI	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
31	梅○○玲	MAI ○○ LINH	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
32	謝○輝	TA ○ HUY	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức

33	陳○柔	TRAN ○ NHU	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
34	楊○○長	DUONG ○○ TRUONG	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
35	楊○黃	DUONG ○ HUYNH	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
36	范○姣	PHAM ○ GIAO	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
37	張○○玄	TRUONG ○○ HUYEN	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
38	阮○冰	NGUYEN ○ BANG	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
39	李○草	LY ○ THAO	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức
40	鄧○○恒	DANG ○○ HANG	休閒遊憩管理系	正取Chinh thức